

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Đình Lân	Chủ tịch
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Lê Quốc Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Minh Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trọng Phương	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Đào Thị Liêm.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ông **Trương Minh Khôi** đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Minh Khôi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

303
TY
IÂN
À THH
.GHII
E1
T.P.V

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/03/2018, trình bày từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa tiến hành phân loại, đánh giá cũng như xem xét thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa đầy đủ hồ sơ với giá trị khoảng 527 triệu đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.086.494.620	165.979.373.169
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.393.703.400	1.638.459.035
Tiền	111		10.393.703.400	1.638.459.035
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.296.615.049	88.506.365.305
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	87.827.881.545	94.057.971.304
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.099.074.189	1.807.137.998
Các khoản phải thu khác	136	7	418.685.055	1.690.281.743
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(9.049.025.740)	(9.049.025.740)
Hàng tồn kho	140		83.396.176.171	75.598.548.829
Hàng tồn kho	141	8	83.396.176.171	75.598.548.829
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	236.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	236.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.578.058.575	24.868.217.229
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		15.809.582.649	16.807.764.160
Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.809.582.649	16.807.764.160
- Nguyên giá	222		43.910.312.277	43.029.354.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.100.729.628)	(26.221.589.897)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		2.698.068.098	2.698.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.698.068.098)	(2.698.068.098)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.701.640.000	2.701.640.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.300.000.000	2.300.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		401.640.000	401.640.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.066.835.926	5.358.813.069
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.066.835.926	5.358.813.069
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		199.664.553.195	190.847.590.398

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		112.718.742.993	104.441.225.372
Nợ ngắn hạn	310		109.863.742.993	101.436.225.372
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	51.099.180.944	45.737.673.239
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.735.960.280	2.375.600.549
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.769.308.379	1.163.533.942
Phải trả người lao động	314		1.876.830.000	3.019.980.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	62.898.065	444.158.368
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.515.755.015	6.484.806.760
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	44.588.011.002	41.619.073.206
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		215.799.308	591.399.308
Nợ dài hạn	330		2.855.000.000	3.005.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	1.555.000.000	1.705.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	18	1.300.000.000	1.300.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.945.810.202	86.406.365.026
Vốn chủ sở hữu	410	19	81.685.810.202	86.406.365.026
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.271.900.000	3.271.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		17.500.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		913.910.202	23.134.465.026
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	18.118.599.073
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		913.910.202	5.015.865.953
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.260.000.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		199.664.553.195	190.847.590.398

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đào Thị Liêm

Trưởng Giám đốc



Trương Minh Khôi

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	157.196.574.444	212.112.370.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		157.196.574.444	212.112.370.964
Giá vốn hàng bán	11	21	139.291.357.726	181.002.272.289
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.905.216.718	31.110.098.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	400.200.548	1.150.324.081
Chi phí tài chính	22	23	3.979.356.507	2.911.721.810
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.976.705.129</i>	<i>2.896.783.295</i>
Chi phí bán hàng	25		3.854.770.986	2.893.212.971
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.468.016.704	15.351.536.798
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.003.273.069	11.103.951.177
Thu nhập khác	31	25	27.346.000	968.538
Chi phí khác	32	26	432.995.243	89.053.762
Lợi nhuận khác	40		(405.649.243)	(88.085.224)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.597.623.826	11.015.865.953
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		108.178.650	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.489.445.176	11.015.865.953
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	248	2.368

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		180.472.714.183	202.263.296.660
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(132.286.571.914)	(169.827.432.234)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.173.831.347)	(29.079.921.343)
Tiền lãi vay đã trả	04		(3.684.066.643)	(2.859.059.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(412.717.989)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.939.155.861	11.649.868.004
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.185.324.766)	(19.723.307.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.669.357.385	(7.576.556.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(758.000.000)	(2.279.487.091)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.000.000	909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(920.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.750.000	158.289.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(734.250.000)	(3.040.288.579)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(58.520.000)
Tiền thu từ đi vay	33		83.248.747.857	69.281.348.823
Tiền trả nợ gốc vay	34		(80.429.810.061)	(59.066.751.916)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.000.000.000)	(2.378.124.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.181.062.204)	7.777.952.907
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.754.045.181	(2.838.891.672)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.638.459.035	4.476.276.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.199.184	1.073.710
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	10.393.703.400	1.638.459.035

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Đào Thị Liêm

Tổng Giám đốc



Trương Minh Khôi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), là doanh nghiệp được thành lập theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 1 nhiệm kỳ 2007 - 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp ngày 15/03/2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000495 ngày 09/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp và Giấy chứng đăng ký kinh doanh thay đổi lần 06 số 2500303038 ngày 13/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 13/06/2016 là 60.000.000.000 đồng, chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp nắm giữ 3.240.000 cổ phần tương ứng với 32.400.000.000 đồng, chiếm 54% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư và Xây dựng nắm giữ 77.642 cổ phần tương ứng với 776.420.000 đồng, chiếm 1,29% vốn điều lệ.
- Ông Tạ Đình Lân nắm giữ 123.260 cổ phần tương ứng với 1.232.600.000 đồng, chiếm 2,05% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.559.098 cổ phần tương ứng với 25.590.980.000 đồng, chiếm 42,65% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Lô 22+23 Khu Công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.6 Lập dự phòng**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Một số khoản công nợ đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng Công ty đánh giá có khả năng thu hồi bình thường nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 07
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	05 - 07

4.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.9 Ghi nhận doanh thu, chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá thanh toán và cổ tức được chia. Lãi tiền gửi ngân hàng ghi nhận theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng và số tiền nhận được từng kỳ, cổ tức được chia ghi nhận theo thông báo chia cổ tức của đơn vị mà Công ty có vốn đầu tư.

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư, lãi vay, chênh lệch tỷ giá thanh toán. Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thông báo của ngân hàng đến thời điểm cuối năm tài chính.

4.10 Thuế

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế, ưu đãi thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIEI được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Trong năm Công ty đã đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ (doanh thu sản phẩm khoa học công nghệ đạt từ 50% tổng doanh thu trở lên) và được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ. Theo đó, thu nhập từ các hoạt động này của Công ty không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có thể có các ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	294.044.928	93.736.380
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.099.658.472	1.544.722.655
	10.393.703.400	1.638.459.035

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**6.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	87.827.881.545	94.057.971.304
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	23.898.159.163	29.904.285.250
- Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty Cổ phần	5.468.083.000	6.321.030.000
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	4.817.755.000
- Công ty TNHH Vạn Đức	4.177.230.000	22.000.000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Thanh JMC	3.600.000.000	-
- Công ty CP TM Vật tư Vận tải và Xây lắp Thịnh Hưng	3.047.370.000	1.292.261.000
- Công ty Cổ phần AMACCAO	1.837.936.000	3.566.504.000
- Công ty CP Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	1.650.849.350	4.653.339.350
- Công ty CP Công nghệ TM Huệ Quang	1.522.950.705	1.522.950.705
- Công ty CP Công nghiệp XD Toàn Phát	1.326.407.000	1.326.407.000
- Các đối tượng khác	36.481.141.327	40.631.438.999
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	23.898.159.163	29.904.285.250
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	23.898.159.163	29.904.285.250

303
 T.Y
 HÂN
 VÀ TH
 NGH
 E1
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.2 NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	9.576.025.740	527.000.000	9.576.025.740	527.000.000
+ Công ty TNHH kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	-	4.817.755.000	-
+ Công ty CP Thương mại Huệ Quang	1.522.950.705	450.000.000	1.522.950.705	450.000.000
+ Cty CP Cavico Xây dựng Thủy điện	335.000.000	-	335.000.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	300.000.000	-	300.000.000	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại Trường Lộc	193.000.000	-	193.000.000	-
+ Xí nghiệp 11- CN Tổng Công ty 319	152.814.000	-	152.814.000	-
+ Công ty CP Sông Đà Đông Đô	870.000.000	-	870.000.000	-
+ Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vạn Xuân	423.711.050	-	423.711.050	-
+ Công ty CP Việt Mỹ	190.813.700	-	190.813.700	-
+ Công ty CP Sông Đà 8	54.380.000	-	54.380.000	-
+ Công ty TNHH MTV Hưng Vương	99.000.000	-	99.000.000	-
+ DN tư nhân Việt Thăng	86.556.285	-	86.556.285	-
+ Công ty Cổ phần Bê tông Alpha	70.675.000	-	70.675.000	-
+ Công ty Cổ phần Licogi 13	177.000.000	77.000.000	177.000.000	77.000.000
+ Công ty Cổ phần Xuân Thành Group	282.370.000	-	282.370.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

a. Ngắn hạn

- Công ty TNHH TM Quốc tế và DV siêu thị Big C Thăng Long
- Lãi được chia năm 2015 từ góp vốn vào công ty CIE2
- Lãi được chia năm 2015 từ góp vốn vào công ty CMC
- Các khoản tạm ứng
- Phải thu khác
- Ký cược, ký quỹ dài hạn

b. Dài hạn

31/12/2017		01/01/2017	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
418.685.055	-	1.690.281.743	-
-	-	10.000.000	-
368.000.000	-	297.827.945	-
18.000.000	-	15.750.000	-
27.000.000	-	16.000.000	-
5.685.055	-	6.201.298	-
-	-	1.344.502.500	-
-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.888.592.081	-	16.599.934.822	-
- Công cụ, dụng cụ	164.001.500	-	100.866.500	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.343.582.590	-	58.897.747.507	-
	83.396.176.171	-	75.598.548.829	-

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là khoản tiền đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2017.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	236.000.000
- Chi phí thiết lập ứng dụng bộ điều khiển Siemens SR-1		236.000.000
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.066.835.926	5.358.813.069
- Chi phí phân bổ dần	135.163.854	221.699.562
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng khu CN Quang Minh	3.369.850.620	3.502.090.620
- Chi phí tư vấn đổi mới khoa học công nghệ	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí sử dụng đất phi Nông nghiệp	57.008.952	-
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà, xưởng sản xuất	-	135.022.887
- Chi phí bảo hiểm tai nạn	4.812.500	-
	5.066.835.926	5.594.813.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	28.994.665.078	7.504.354.727	6.309.234.252	221.100.000	43.029.354.057
- Mua trong năm	595.644.820	285.313.400	-	-	880.958.220
31/12/2017	<u>29.590.309.898</u>	<u>7.789.668.127</u>	<u>6.309.234.252</u>	<u>221.100.000</u>	<u>43.910.312.277</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	17.977.605.053	5.282.041.339	2.870.141.905	91.801.600	26.221.589.897
- Khấu hao trong năm	976.379.433	417.677.000	441.472.454	43.610.844	1.879.139.731
31/12/2017	<u>18.953.984.486</u>	<u>5.699.718.339</u>	<u>3.311.614.359</u>	<u>135.412.444</u>	<u>28.100.729.628</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	<u>11.017.060.025</u>	<u>2.222.313.388</u>	<u>3.439.092.347</u>	<u>129.298.400</u>	<u>16.807.764.160</u>
31/12/2017	<u>10.636.325.412</u>	<u>2.089.949.788</u>	<u>2.997.619.893</u>	<u>85.687.556</u>	<u>15.809.582.649</u>

Tại 31/12/2017:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.770.025.251 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.701.640.000	2.701.640.000	-	2.701.640.000	2.701.640.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	2.300.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE 2	2.300.000.000	2.300.000.000	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-
Đầu tư vào Đơn vị khác	401.640.000	401.640.000	-	401.640.000	401.640.000	-
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	352.500.000	352.500.000	-	352.500.000	352.500.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV	49.140.000	49.140.000	-	49.140.000	49.140.000	-

Các khoản đầu tư trên đang được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	Số phải nộp/ truy thu trong năm	Số đã nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp	1.769.308.379	4.206.759.584	3.600.985.147	1.163.533.942
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.629.412.859	3.282.313.052	2.685.909.308	1.033.009.115
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.178.650	440.896.639	412.717.989	-
- Thuế thu nhập cá nhân	111.716.870	386.272.639	405.080.596	130.524.827
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	97.277.254	97.277.254	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	51.099.180.944	51.099.180.944	45.737.673.239	45.737.673.239
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	8.029.759.606	8.029.759.606	3.509.978.242	3.509.978.242
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	6.997.512.000	6.997.512.000	4.133.899.000	4.133.899.000
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	4.501.911.450	4.501.911.450	7.853.287.318	7.853.287.318
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	3.471.300.956	3.471.300.956	3.411.318.199	3.411.318.199
- Công ty TNHH Kim khí Chương Dương	2.606.218.314	2.606.218.314	1.313.426.237	1.313.426.237
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	2.172.547.300	2.172.547.300	3.379.645.500	3.379.645.500
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	2.078.757.840	2.078.757.840	2.005.796.342	2.005.796.342
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	1.399.209.022	1.399.209.022	3.635.629.500	3.635.629.500
- Công ty TNHH Kim khí & Dịch vụ Vận tải	1.240.204.185	1.240.204.185	432.332.230	432.332.230
- Công ty Cổ phần 3B	944.658.289	944.658.289	1.900.446.980	1.900.446.980
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Hải Anh	875.811.650	875.811.650	2.242.200.500	2.242.200.500
- Các đối tượng khác	16.781.290.332	16.781.290.332	11.919.713.191	11.919.713.191
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	19.529.183.056	19.529.183.056	15.497.164.560	15.497.164.560
- Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	8.029.759.606	8.029.759.606	3.509.978.242	3.509.978.242
- Công ty CP Thương mại Kim Hoa	6.997.512.000	6.997.512.000	4.133.899.000	4.133.899.000
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	4.501.911.450	4.501.911.450	7.853.287.318	7.853.287.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ ngắn hạn	44.588.011.002	44.588.011.002	83.248.747.857	80.279.810.061	41.619.073.206	41.619.073.206
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Đa	39.328.011.002	39.328.011.002	79.048.747.857	75.579.810.061	35.859.073.206	35.859.073.206
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.260.000.000	5.260.000.000	4.200.000.000	4.700.000.000	5.760.000.000	5.760.000.000
b. Vay và nợ dài hạn	1.555.000.000	1.855.000.000	-	150.000.000	1.705.000.000	1.705.000.000
Vay các cá nhân	1.555.000.000	1.855.000.000		150.000.000	1.705.000.000	1.705.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi vay phải trả	62.898.065	444.158.368
- Tiền thuê đất khu công nghiệp Quang Minh	62.898.065	47.812.098
	-	396.346.270

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn	6.515.755.015	6.484.806.760
- Kinh phí công đoàn	235.758.060	205.266.760
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.000.000.000	6.000.000.000
- Nhận đặt cọc của Công ty TNHH thương mại Sao Đỏ	100.000.000	100.000.000
- Nhận đặt cọc của Công ty CP Xây dựng Hải Phát	100.566.500	-
- Nhận đặt cọc của Công ty CP Sông Đà 4	-	161.000.000
- Nhận đặt cọc của XN Sông Đà 10.6 - Cty CP Sông Đà 10	-	11.500.000
- Nhận đặt cọc của XN Sông Đà 10.6 - Cty CP Sông Đà 10	-	6.050.000
- Phải trả lại Công ty CP đầu tư thủy điện Quảng Nam	-	990.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.430.455	-

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (PTKH&CN) của Công ty. Quỹ PTKH&CN chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Mức trích quỹ trong năm không quá 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế TNDN.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 đồng, chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó chi tiết như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
+ Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	32.400.000.000	32.400.000.000
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	776.420.000	776.420.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	26.823.580.000	26.823.580.000
	<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

19.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	30.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19.2 Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.3 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	30.000.000.000	3.330.420.000	22.000.000.000	26.118.599.073	81.449.019.073
- Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	(58.520.000)	(22.000.000.000)	(8.000.000.000)	(58.520.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	11.015.865.953	11.015.865.953
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
31/12/2016	60.000.000.000	3.271.900.000	-	23.134.465.026	86.406.365.026
01/01/2017	60.000.000.000	3.271.900.000	-	23.134.465.026	86.406.365.026
- Lãi trong năm	-	-	-	1.489.445.176	1.489.445.176
- Trích lập các quỹ	-	-	17.500.000.000	(17.500.000.000)	-
- Tạm chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(210.000.000)	(210.000.000)
31/12/2017	60.000.000.000	3.271.900.000	17.500.000.000	913.910.202	81.685.810.202

(*) Chia cổ tức theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIEI.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	157.196.574.444	212.112.370.964
+ Doanh thu bán thành phẩm	150.161.016.278	205.840.981.175
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.996.760.166	6.173.453.789
+ Doanh thu bán vật tư	-	14.625.000
+ Doanh thu khác	38.798.000	83.311.000
Doanh thu với các bên liên quan	4.471.438.802	16.380.066.039
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	-	12.790.781.818
+ Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	784.596.000	1.108.689.000
+ Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.963.090.075	2.480.595.221
+ Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	723.752.727	-

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán thành phẩm	132.726.607.666	175.974.306.978
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.564.750.060	5.013.340.311
Giá vốn bán vật tư	-	14.625.000
	139.291.357.726	181.002.272.289

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.660.273	39.108.369
Cổ tức, lợi nhuận được chia	386.000.000	310.202.945
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.540.275	2.453.004
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	798.559.763
	400.200.548	1.150.324.081

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	3.976.705.129	2.896.783.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.452.980	1.669.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	1.198.398	13.268.640
	3.979.356.507	2.911.721.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.468.016.704	15.351.536.798
Chi phí nhân viên quản lý	2.453.828.435	2.716.269.148
Chi phí vật liệu quản lý	496.746.550	659.514.304
Chi phí đồ dùng Văn phòng	282.157.342	603.600.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	378.297.938	495.871.600
Chi phí thuế, phí và lệ phí	254.789.738	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.935.905.996	3.341.424.187
Chi phí dự phòng phải thu	-	6.349.025.740
Chi phí khác bằng tiền	666.290.705	1.182.831.441

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		968.538
Tiền phạt thu được	27.346.000	-
	27.346.000	968.538

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	23.665.591
Chi nộp phạt	432.995.243	130.534
Các khoản chi phí khác	-	65.257.637
	432.995.243	89.053.762

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	116.279.210.670	158.322.135.968
Chi phí nhân công	29.681.018.055	31.515.541.953
Khấu hao tài sản cố định	1.879.139.731	2.203.589.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.178.118.366	15.046.366.549
Chi phí bằng tiền khác	5.917.681.016	14.574.897.879
	169.935.167.838	221.662.531.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.489.445.176	11.015.865.953
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.489.445.176	11.015.865.953
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	4.652.055
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	248	2.368

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.393.703.400	1.638.459.035
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.170.540.860	86.683.227.307
Tài sản tài chính khác	-	-
Cộng	89.564.244.260	88.321.686.342
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	46.143.011.002	43.324.073.206
Phải trả người bán và phải trả khác	57.614.935.959	52.222.479.999
Chi phí phải trả	62.898.065	444.158.368
Cộng	103.820.845.026	95.990.711.573

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro Thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng EUR do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch này phát sinh ít và Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ chịu rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD và EUR là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất cố định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và lãi ước tính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	44.588.011.002	1.555.000.000	46.143.011.002
Phải trả người bán và phải trả khác	57.614.935.959	-	57.614.935.959
Chi phí phải trả	62.898.065	-	62.898.065
	102.265.845.026	1.555.000.000	103.820.845.026
01/01/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	41.619.073.206	1.705.000.000	43.324.073.206
Phải trả người bán và phải trả khác	52.222.479.999	-	52.222.479.999
Chi phí phải trả	444.158.368	-	444.158.368
	94.285.711.573	1.705.000.000	95.990.711.573

Ban Giám đốc đánh mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.393.703.400	-	10.393.703.400
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.170.540.860	-	79.170.540.860
	89.564.244.260	-	89.564.244.260
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.638.459.035	-	1.638.459.035
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.683.227.307	-	86.683.227.307
	88.321.686.342	-	88.321.686.342

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm 2017 như sau:

Bên liên quan

Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp
 Công ty TNHH chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
 Công ty CP TM Kim Hoa
 Công ty CP Cơ khí 1-5
 Viện Cơ Điện tử CIE
 Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Đơn vị cùng Công ty mẹ
 Đơn vị cùng Công ty mẹ
 Đơn vị cùng Công ty mẹ
 Đơn vị cùng Công ty mẹ
 Đầu tư dài hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu với bên liên quan	4.471.438.802	16.380.066.039
- Công ty CP Tập đoàn XD & thiết bị Công nghiệp	-	12.790.781.818
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	2.963.090.075	2.480.595.221
- Công ty CP Cơ khí 1-5	784.596.000	1.108.689.000
- Công ty CP TM Kim Hoa	723.752.727	-
Mua hàng từ bên liên quan	20.717.572.025	47.164.165.015
- Công ty CP TM Kim Hoa	7.112.400.000	14.073.600.000
- Công ty CP Cơ khí 1-5	7.787.926.915	14.408.837.070
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	4.982.269.750	18.486.616.580
- Công ty CP kinh doanh Vật tư và Xây dựng	-	809.822.727
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	834.975.360	(1.000.711.362)
- Viện Cơ Điện tử CIE	-	386.000.000
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi trả cổ tức	4.012.000.000	3.860.405.890
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	3.240.000.000	3.240.000.000
Nhận lợi nhuận, cổ tức được chia	386.000.000	310.202.945
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	18.000.000	12.375.000
- Công ty TNHH chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	368.000.000	297.827.945

30.2 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng	23.898.159.163	29.904.285.250
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	23.898.159.163	29.904.285.250
Phải trả người bán	19.529.183.056	15.921.764.560
- Công ty CP TM Kim Hoa	6.997.512.000	4.133.899.000
- Công ty CP máy và TBCN 1-5	8.029.759.606	3.509.978.242
- Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	4.501.911.450	7.853.287.318
- Viện Cơ Điện tử CIE	-	424.600.000
Phải thu khác	386.000.000	297.827.945
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp - thuê đất	-	-
- Công ty TNHH chế tạo máy và thiết bị công nghiệp CIE2	368.000.000	297.827.945
- Công ty CP kinh doanh Vật tư và Xây dựng	18.000.000	-
Các khoản phải trả khác	3.240.000.000	3.240.000.000
Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	3.240.000.000	3.240.000.000
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán		
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1.733.831.189	-
- Viện Cơ Điện tử CIE	816.120.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Đào Thị Liêm

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Trương Minh Khôi

